TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/HS-ST
Ngày 26/11/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Thu và ông Nguyễn Hà Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Dương, Kiểm sát viên.

Ngày 26/11/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 55/2021/TLST-HS ngày 08/11/2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2021/QĐXXST-HS ngày 11/11/2021 đối với bị cáo:

Lê Văn L sinh năm 1963, tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú xóm 4 Đông, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 4/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn L1 (đã chết) và bà Phạm Thị N (đã chết); vợ Nguyễn Thị V (đã ly hôn) và có 02 con lớn nhất 36 tuổi nhỏ nhất 26 tuổi; tiền án tại Bản án số 15 ngày 05/4/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; tiền sự ngày 10/01/2020 bị UBND xã K ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã thời hạn 03 tháng, chấp hành xong ngày 10/4/2020; lịch sử bản thân năm 2018 bị Công an huyện Y xử phạt cảnh cáo về hành vi xử dụng trái phép chất ma túy; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/8/2021 đến ngày 31/8/2021 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh cho đến nay; có mặt.

Người bị hại: Anh Tô Văn Đ sinh năm 1963; địa chỉ xóm 4 Tây, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Dương Văn H sinh năm 1990; địa chỉ xóm 8, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 ngày 23/8/2021 L đi bộ tự nhà đến khu vực xóm 4 Tây, xã K để trộm cắp tài sản. Khi đến nhà anh Đ thấy cổng không có cánh nên L đi vào sân và đi vào gian bếp nhà anh Đ, thấy 01 xe mô tô nhãn H Honda Wave RSX biển

kiểm soát 35K1-480.39 chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện; thấy không có người nên L dắt xe mô tô ra ngoài cổng rồi nổ máy đi về nhà. Sau đó L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35K1-480.39 đến nhà anh H ở xóm 8, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình vay của anh H 1.000.000 đồng và để lại xe mô tô để làm tin. Đến ngày 25/8/2021 biết không thể che dấu được hành vi của mình, nên L đã đến Công an huyện Y để đầu thú; cùng ngày anh H nghi ngờ về nguồn gốc của xe mô tô nên đã tự giao nộp xe mô tô biển kiểm soát 35K1-480.39 cho Công an huyện Kim Sơn.

Kết luận định giá tài sản số 29/KLĐG ngày 26/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Y kết luận: Xe mô tô nhãn H Honda, loại Wave RSX, biển số 35K1-480.39 trị giá là 18.000.000 đồng.

Cáo trạng số 57/CT-VKS-YK ngày 06/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo L như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo L từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 25/8/2021.

- Buộc bị cáo L phải trả lại cho anh H số tiền là 1.000.000 đồng và bị cáo L phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định của Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 của Quốc Hội: Buộc bị cáo L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo L thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng là đúng. Nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại, người liên quan đều không có khiếu nại gì; nên hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng pháp luật. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan; phù hợp với các tài liêu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, hành vi của bị cáo và tài sản chiếm đoạt, nên có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 22 giờ 30 ngày 23/8/2021 bị cáo L đã lén lút vào nhà anh Đ ở xóm 4 Tây, xã K lấy 01 xe mô tô nhãn H Honda Wave RSX biển kiểm soát 35K1-480.39

của anh Đ, rồi điều khiển xe mô tô đến nhà anh H ở xóm 8, xã A vay của anh H 1.000.000 đồng và để lại xe mô tô; theo kết luận định giá tài sản, trị giá xe mô tô biển kiểm soát 35K1-480.39 là 18.000.000 đồng.

Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy đinh về tội "Trộm cắp tài sản".

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Hành vi của bị cáo L là trái pháp luật, đã xâm phạm đến tài sản của người khác; giá trị tài sản chiếm đoạt là 18.000.000 đồng, nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình nặng, bị cáo đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, đây là tình tiết "Tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về giảm nhẹ "Thành khẩn khai báo, bị cáo đầu thú" theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị của Viện kiểm sát về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là đúng pháp luật.

[4] Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội, vào giá trị tài sản chiếm đoạt, vào nhân thân bị cáo; cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, mới có đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa chung. Bị cáo có một tình tiết tăng nặng, nhưng lại có hai tình tiết giảm nhẹ, nên khi L hình Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần về hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo L khai không có tài sản; nên không phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Đ đã nhận lại tài sản là xe mô tô, tại phiên tòa anh Đ không có yêu cầu gì thêm; nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về số tiền 1.000.000 đồng bị cáo L vay của anh H và để lại xe máy để làm tin, anh H yêu cầu bị cáo L phải trả lại cho anh H 1.000.000 đồng, nên buộc bị cáo L phải trả lại cho anh H số tiền đã vay là 1.000.000 đồng.

[6] Về vật chứng: Vật chứng thu giữ là 01 xe mô tô biển kiểm soát 35K1-480.39, xe mô tô là tài sản của anh Đ; nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Đ là đúng pháp luật.

[7] Trong vụ án này anh H là người đã cho bị cáo L để lại xe mô tô trộm cắp tại nhà anh H để vay 1.000.000 đồng, nhưng anh H không biết tài sản do phạm tội mà

có, nên hành vi của anh H không có dấu H tội phạm.

[8] Về án phí: Bị cáo L bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Lê Văn L 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 25/8/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; buộc bị cáo Lê Văn L phải trả lại cho anh Dương Văn H số tiền vay là 1.000.000 đồng.

Kể từ ngày anh H có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền L phải trả lại cho anh H cho đến khi thi hành án xong, hằng tháng bị cáo L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Lê Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người liên quan là anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời H thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Công an huyện Y
- Bị cáo,
- Người bị hại; Người liên quan
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Lực